

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2021/HSST

Ngày 29 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Công Hòa.

2. Ông Đỗ Trí Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần D, sinh năm 1975 tại tỉnh G; Nơi cư trú: Tổ 01, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Diệp Thị L (đã chết). Có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1975 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: tốt; Bị cáo Trần D đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/3/2021 cho đến nay. Hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947 (đã chết)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị L:

1. Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1948 (chồng bà L)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1971 (con bà L)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

3. Chị Vũ Thị S, sinh năm 1979 (con bà L)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

4. Anh Vũ Sơn H, sinh năm 1981 (con bà L)

Nơi cư trú: Thôn Ninh Xá Hạ, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh N.

5. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985 (con bà L)

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

6. Anh Vũ Văn P, sinh năm 1991 (con bà L);

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Ông T, chị S, anh H, chị N, anh P ủy quyền cho chị Vũ Thị H tham gia tố tụng (Văn bản giấy ủy quyền lập ngày 05/4/2021). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lò Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ 03, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G.

2. Cháu , sinh năm 2015; Nơi cư trú: Tổ 03, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Quốc D, sinh năm 2015: Bà Lò Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ 03, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G (Là mẹ đẻ của cháu Duy). Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Nùng, tiếng Thái: Bà Vương Thị N; Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi , tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 25/02/2021, Trần D có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 chở vợ là bà Lò Thị H và con là Trần Quốc D đi trên đường Quốc lộ 25 hướng từ Phú Thiện đi P. Khi đi đến Km 179 + 800 m Quốc lộ 25 thuộc địa phận tổ dân phố 05, thị trấn C, huyện C, tỉnh G thì D nhìn thấy bà Nguyễn Thị L điều khiển xe đạp đi phía trước cùng chiều (cách xe mô tô của ông D khoảng 20 m) và đang rẽ trái qua đường. Do nghĩ có thể điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 qua sát bên lề đường phải để tránh xe của bà L nên D điều khiển xe tiếp tục đi thẳng. Khi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 cách xe đạp của bà L khoảng 10 m thì D nhận thấy không thể tránh xe của bà L nên đạp phanh xe làm xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 trượt về phía trước rồi ngã ngang xuống đường và va chạm với xe đạp của bà L làm bà L ngã xuống đường. Hậu quả: Bà L chết trên đường đi cấp cứu.

Sau khi tai nạn xảy ra, D đưa bà L đi cấp cứu rồi đến Đội Cảnh sát giao thông số 01, thuộc Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ – Công an tỉnh G để đầu thú, tự nguyện khai nhận hành vi của mình. Đội Cảnh sát giao thông đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn của Trần D, kết quả là 0.000 mg/l khí thở.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả như sau:

* Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là Km 179 + 800 m Quốc lộ 25 thuộc địa phận tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh G. Mặt đường bằng phẳng, có vạch kẻ đường và biển báo giao thông rõ ràng, mặt đường có chiều rộng 16,45 m, xung quanh có nhiều nhà dân sinh sống. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) Vết phanh trên mặt đường có kích thước (8,65 x 0,05) m; (2) Vị trí xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33, xe nằm nghiêng phải; (3) Vị trí xe đạp màu hồng, xe nằm nghiêng phải; (4) Vị trí máu loang trên mặt đường. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng từ Phú Thiện đi thành phố P, xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Chọn mép đường bên phải làm điểm chuẩn cho các dấu vết có tại hiện trường, chọn cột mốc là cột Km có kí hiệu H8/179 làm mốc cho các dấu vết phương tiện có mặt tại hiện trường. Mô tả theo số thứ tự vị trí phương tiện, tang vật, dấu vết: Phát hiện dấu vết phanh (1) nằm bên phải phần đường có kích thước (8,65 x 0,05) m, đầu vết phanh cách mép đường phải 5,1 m, cuối vết phanh cách mép đường phải 5,47 m. Vết cà trên mặt đường (C1) có kích thước (2,4 x 0,01) m cách cuối vết phanh 0,1 m và kéo dài đến gác chân trái trước của xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 675.33. Vị trí xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 (2) nằm ở phần đường bên phải, xe nghiêng phải, đầu xe quay về hướng mép đường trái, đuôi xe quay về hướng mép đường phải, trực trước xe mô tô cách mép đường phải 6,3 m, trực sau xe cách mép đường phải 5,28 m. Vị trí xe đạp màu hồng (2) nằm ở bên phải phần đường, xe nghiêng phải, đầu xe quay về hướng mép đường trái, đuôi xe quay về hướng mép đường phải, trực trước xe đạp cách mép đường 5,9 m, trực sau xe đạp cách trực sau xe mô tô là 1,18 m. Vết cà trên mặt đường (C2) có kích thước (1,15 x 0,01) m kéo dài từ chân gác trước phải xe mô tô đến bàn đạp phải của xe đạp. Vị trí vết máu loang (4) cách trực sau xe đạp 2,57 m, tâm máu cách mép đường phải 5,9 m, vết máu loang có kích thước (0,57 x 0,2) m, tâm vết máu cách cột mốc Km 179 + 800 m là 8,5m. Ngoài ra không phát hiện gì thêm.

* Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33: Dấu vết trên phương tiện: Đèn xi nhan bên phải bề mặt bị trầy xước trong diện (5 x 4) cm; gương chiếu hậu bên phải cong vênh, trầy xước, rời khỏi vị trí định vị một góc khoảng 90°; tay phanh trước bị trầy xước kim loại trong diện (1 x 1,05) cm, tâm vết cách mặt đất 1,03 m; nắm cao su gác để chân bên phải bị trầy xước trong diện (2,5 x 2) cm; ốp bảo vệ ống xả khói bị trầy xước trong diện (32 x 5) cm, tâm vết cách đất 45 cm; má lốp xe trước bên phải có vết chà lốp xe trong diện (28 x 4) cm, tâm vết cách trực trước 28 cm. Nhận xét tình trạng phương tiện: Xe mô tô trước và sau

tai nạn ngoài những hư hỏng do tai nạn gây ra, các hệ thống còn lại hoạt động bình thường.

* Kết quả khám xe đạp: Dấu vết trên phương tiện: Tay nắm nhựa trước bên phải có vết trầy xước trong diện (1,5 x 2) cm; Khung kim loại tay lái xe bên phải bị trầy xước trong diện (1,5 x 0,5) cm, tâm vết cách mặt đất 92 cm; bàn đạp nhựa phải xe đạp bị trầy xước, mài mòn trong diện (5 x 2,5) cm; ốp kim loại trục sau phải bị mài mòn, trầy xước trong diện (1,5 x 0,5) cm, tâm vết cách mặt đất 18 cm; vành bánh xe phía sau bị cong vênh, biến dạng theo chiều hướng từ trái sang phải, lệch khỏi vị trí ban đầu 06 cm; yên kim loại phía sau xe đạp bị cong vênh, lệch khỏi vị trí định vị 04 cm; chân chống phía sau bề mặt bên phải bị trầy xước trong diện (1,7 x 0,5) cm. Nhận xét tình trạng phương tiện: Xe đạp bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

* Ngày 25/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã ra Quyết định số: 36 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh G giám định nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị L.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 206/GĐPY, ngày 12/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thị L là: Chấn thương sọ não.

2. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số 33/CT – VKS ngày 28/6/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo Trần D về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần D mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 675.33 của bà Lò Thị H và 01 Chiếc xe đạp màu hồng của bà Nguyễn Thị L. Sau khi giám định Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã trả lại các tài sản cho các người đại diện hợp pháp của bị hại và cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 giấy phép Giấy phép lái xe số AF 483703 do Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 13 tháng 6 năm 2008 mang tên Trần D, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo Trần D đã bồi thường xong cho những người đại diện hợp pháp của bị hại thông qua người ủy quyền là chị Vũ Thị H số tiền 40.000.000 đồng và những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo Trần D: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, bị cáo xin lỗi gia đình của bị hại, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội như sau:

Vào lúc 09 giờ 45 phút ngày 25/02/2021, Trần D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 81B2 – 675.33 chở bà Lò Thị H và cháu Trần Quốc D đi theo hướng Phú Thiện - P, khi đến Km 179 + 800m quốc lộ 25 thuộc địa phận tổ dân phố 05, thị trấn C, huyện C, tỉnh G thì va chạm với xe đạp do bà Nguyễn Thị L đang điều khiển qua đường phía trước cùng chiều, hậu quả làm bà L chết do chấn thương sọ não.

Phương tiện giao thông cơ giới khi tham gia giao thông là nguồn nguy hiểm cao độ. Vì vậy, đòi hỏi mọi công dân khi cho xe lưu thông đều phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cho chủ sở hữu cũng như mọi người xung quanh.

Bị cáo Trần D là người có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định. Tuy nhiên khi điều khiển xe mô tô 81B2 – 675.33 tham gia giao thông đường bộ

nhưng bị cáo đã không đảm bảo nguyên tắc an toàn, không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn, xử lý kém nên đã gây ra vụ tai nạn giao thông. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm Điều 12 của Luật giao thông đường bộ và Điều 4 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra làm chết 01 người. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả, các đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do bị cáo Trần D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo có đủ các điều kiện cho người kết án phạt tù được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Vũ Thị H là người đại diện theo ủy quyền của những người diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với chị Lò Thị H và cháu Trần Quốc D do chị Lò Thị H là người đại diện theo pháp luật, sau khi sự việc xảy ra đã có đơn từ chối giám định mức độ tổn hại sức khỏe và không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 675.33 là tài sản của bà Lò Thị H (sinh năm: 1975, trú tại tổ 3, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G). Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã trả lại cho bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe đạp màu hồng là tài sản của bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã trả lại cho người đại diện của bà L là bà Vũ Thị H (sinh năm: 1971, trú tại tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh G) là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 giấy phép Giấy phép lái xe số AF 483703 do Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 13 tháng 6 năm 2008 mang tên Trần D, là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, sẽ được Tòa án nhân dân huyện C chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để trả lại cho bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về án phí: Buộc bị cáo Trần D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần D phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng vào điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần D.

Xử phạt bị cáo Trần D 12 (*Mười hai*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2021).

Giao bị cáo Trần D cho Ủy ban nhân dân phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Trần D 01 giấy phép Giấy phép lái xe số AF 483703 do Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh G cấp ngày 13 tháng 6 năm 2008 mang tên Trần D.

Đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2021), bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nay Lu Vinh